TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2019/DS-ST
Ngày: 23-4-2019
V/v tranh chấp "hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Tài

2. Ông Nguyễn Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký Tòa án

Trong ngày 23 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2018/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp "hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 479/2019/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Mai H, sinh năm 1970, Có mặt.

Địa chỉ: 99/4 ấp GH, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1969, Vắng mặt.

Địa chỉ: 48/2 ấp AĐ, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Nguyễn Thành Q, sinh năm 1964, địa chỉ: 99/4 ấp Giang Hà, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre. Ông Q ủy quyền cho bà H tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 17/01/2019.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11-12-2018 và trong quá trình tố tụng tại tòa nguyên đơn đồng thời được người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thành Q ủy quyền bà Phạm Thị Mai H trình bày:

Vào ngày 23/12/2017 (âm lịch) bà cho bà Nguyễn Thị B vay số tiền 120.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất là 4%/tháng, khi vay tiền bà B có ghi biên nhận và hứa đến ngày 23/5/2018 (âm lịch) bà B trả đủ cho bà số tiền trên nhưng không thực hiện. Sau khi vay tiền bà B không trả lãi, đến hẹn trả nợ bà B không trả nợ, bà nhiều lần yêu cầu bà B thanh toán nợ nhưng bà B không trả.

Số tiền bà cho bà B vay là tiền chung của vợ chồng, chồng bà là Nguyễn Thành Q có chung ý kiến, yêu cầu với bà.

Tại tòa bà yêu cầu bà B trả cho bà và ông Q số tiền 120.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi tính từ ngày 09/02/2018 (tức ngày 24/12/2017 âm lịch) cho đến ngày tòa xét xử là ngày 23/04/2019 là 14 tháng 14 ngày với mức lãi suất 0,83%/tháng là 14.408.800 đồng.

Bị đơn Nguyễn Thị B đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý số 2644/TB-TLVA ngày 12/12/2018 cùng các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp kèm theo đơn khởi kiện nhưng không có văn bản gửi Tòa án cũng không có yêu cầu phản tố.

Ngoài ra Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 2754/TB-TA ngày 27/12/2018; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 306/TB-TA ngày 26/02/2019, Thông báo kết quả phiên họp số 304/TB-TA ngày 26/02/2019 nhưng bà B đều vắng mặt hai lần không có lý do nên không tiến hành hòa giải được. Bà B cũng không có ý kiến gì đối với những tài liệu do nguyên đơn cung cấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: nguyên đơn Phạm Thị Mai H yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị B trả tiền vay nên đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn Nguyễn Thị B đăng ký thường trú tại 48/2 ấp AĐ, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre; theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

[3] Về tố tụng: Bị đơn Nguyễn Thị B đã được Tòa án tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập đến tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn Nguyễn Thị B theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung: Tại phiên tòa nguyên đơn Phạm Thị Mai H yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị B trả cho bà H và ông Q số tiền 120.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền nợ lãi tính từ ngày 09/02/2018 (tức ngày 24/12/2017 âm lịch) cho đến ngày tòa xét xử là ngày 23/04/2019 là 14 tháng 14 ngày với mức lãi suất 0,83%/tháng là 14.408.800 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà H cung cấp cho Tòa án bản gốc giấy viết tay có tiêu đề "biên nhận" có ký tên B và ghi rõ họ tên Nguyễn Thị B có nội dung "hôm nay là ngày 23-12-2017al tôi là Nguyễn Thị B có mượn số tiền của Mai H tổng cộng là 120.000.000 (một trăm hai chục triệu đồng chẵn)".

Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã thực hiện tống đạt hợp lệ các thông báo như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên

họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, tống đạt các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho bà B nhưng bà B không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, không có yêu cầu phản tố nên những chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là chứng cứ hợp lệ theo khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Từ đó có căn cứ xác định giữa nguyên đơn Phạm Thị Mai H và bị đơn Nguyễn Thị B có xác lập hợp đồng vay tài sản; hợp đồng vay tài sản giữa bà H và bà B được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không ai bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015. Theo nội dung giấy "biên nhận" thể hiện việc bà B vay của bà H số tiền 120.000.000 đồng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị Mai H là có căn cứ cần chấp nhận, buộc bị đơn Nguyễn Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Mai H và ông Nguyễn Thành Q số tiền nợ gốc là 120.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu tính lãi, nguyên đơn Phạm Thị Mai H yêu cầu tính lãi tính từ ngày 09/02/2018 (tức ngày 24/12/2017 âm lịch) cho đến ngày tòa xét xử là ngày 23/04/2019 là 14 tháng 14 ngày với mức lãi suất 0,83%/tháng là 14.408.800 đồng. Bà H trình bày khi bà H cho bà B vay tiền hai bên thỏa thuận lãi suất là 4%/tháng, khi vay tiền bà B có ghi biên nhận và hứa đến ngày 23/5/2018 (âm lịch) bà B trả đủ cho bà số tiền trên nhưng không thực hiện. Sau khi vay tiền bà B không trả lãi, đến hẹn trả nợ bà B không trả nợ, bà H nhiều lần yêu cầu bà B thanh toán nợ nhưng bà B không trả nên bà H yêu cầu bà B trả lãi cho bà H với mức lãi suất theo quy định của pháp luật là 0,83%/tháng là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 nên được chấp nhận, buộc bà Nguyễn Thị B trả số tiền lãi là: 120.000.000 đồng x 0,83%/ tháng x 14 tháng 14 ngày = 14.408.800 đồng.

[5] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật và nguyên đơn được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 469, 357 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 26, Điều 27, điểm d Tiểu mục 1.3 Mục 1 Phần II (danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị Mai H. Buộc bà Nguyễn Thị B trả cho bà Phạm Thị Mai H và ông Nguyễn Thành Q số tiền 134.408.800 (một trăm ba mươi bốn triệu bốn trăm lẻ tám nghìn tám trăm) đồng (gồm 120.000.000 đồng tiền nợ gốc và 14.408.800 đồng tiền lãi).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị B phải chịu 6.720.440 đồng (sáu triệu bảy trăm hai mươi nghìn bốn trăm bốn mươi đồng).

Bà Phạm Thị Mai H được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.249.000 đồng theo biên lai thu số 0021538 ngày 11 tháng 12 năm 2018.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Cao Thanh Minh